

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2025/QĐST - HNGĐ

T, ngày 05 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 34/2025/DSST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị Hồng D, sinh năm 1977.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Vũ Tuấn K, sinh ngày 20/7/2012.

Đều có địa chỉ: Thôn N, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu K: Anh Vũ Xuân H và chị Đoàn Thị Hồng D bố, mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vũ Xuân H và chị Đoàn Thị Hồng D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Xuân H và chị Đoàn Thị Hồng D thuận tình ly hôn;

- *Về con chung*: Anh Vũ Xuân H và chị Đoàn Thị Hồng D đều xác định vợ chồng có hai con chung là các cháu Vũ Hương G, sinh năm 2002 và Vũ Tuấn K, sinh ngày 20/7/2012. Hiện cháu K đang ở với chị D

Anh chị thỏa thuận:

+ Cháu G đã trưởng thành và tự lập, giữa anh chị và cháu G không có liên quan gì về tài chính nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Giao cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu K. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K cùng chị D số tiền là 2.000.000đồng/tháng. Thời gian tính từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị D có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác*: Anh, chị đều không đề nghị Tòa án giải quyết;

- *Về án phí*: Nguyên đơn anh Vũ Xuân H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm 0001137 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Anh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND phường L, TP Hưng Yên. *Giấy CNKH ngày 17/9/2001;*
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc

